

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ LAI CHÂU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 139/NQ-HĐND

Thành phố Lai Châu, ngày 13 tháng 5 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT**

**Phê chuẩn quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn;  
quyết toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2024**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU  
KHOÁ IV, KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI SÁU**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hàng năm;*

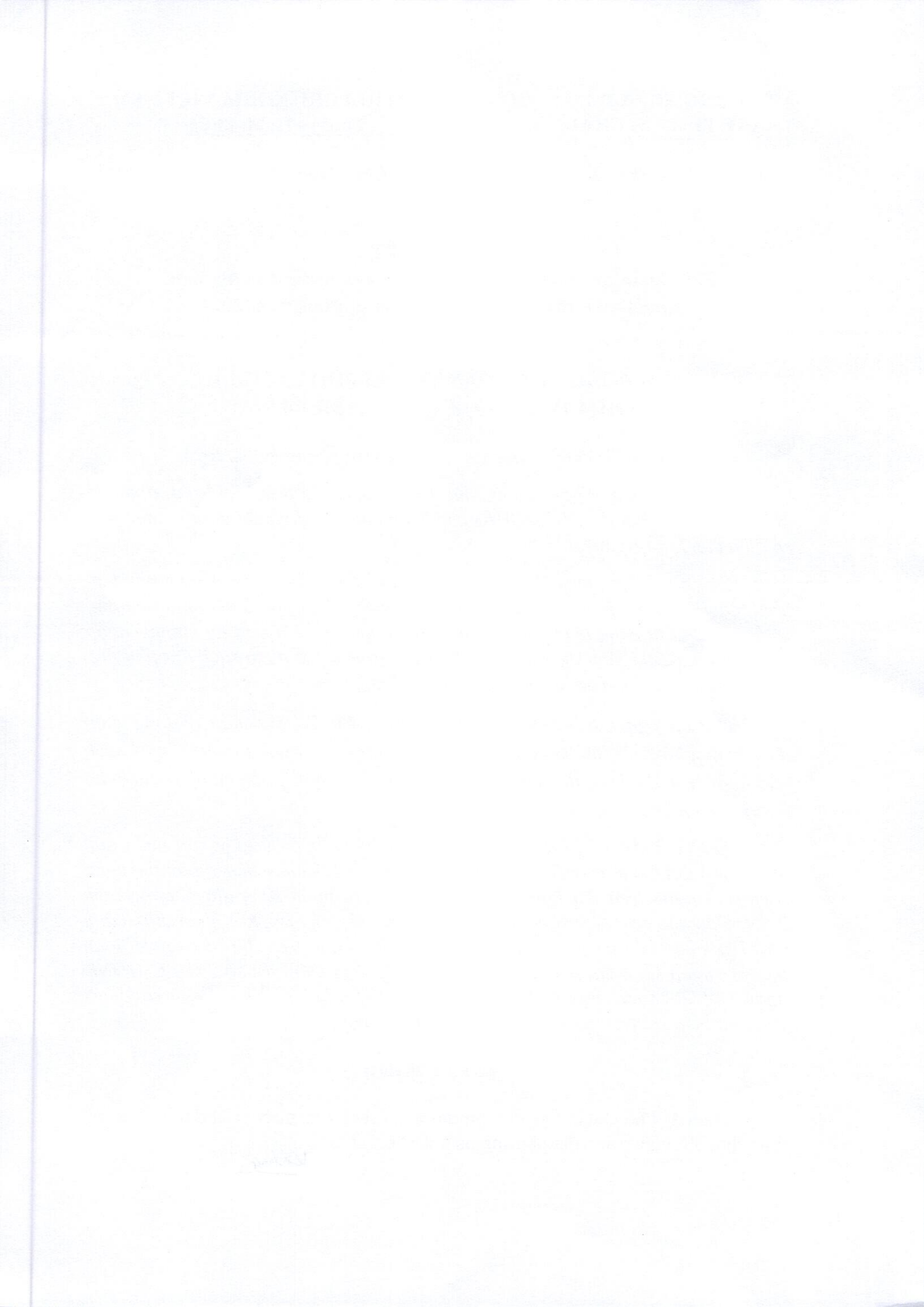
*Căn cứ Nghị quyết số 94/NQ-HĐND ngày 15/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Lai Châu khóa IV, kỳ họp thứ mười bốn về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2024;*

*Xét Tờ trình số 1296/TTr-UBND ngày 08/5/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Lai Châu về việc ban hành Nghị quyết phê chuẩn quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; quyết toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2024; Báo cáo số 1295/BC-UBND ngày 08/5/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Lai Châu về quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; quyết toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2024; Báo cáo thẩm tra số 291/BC-HĐND ngày 12/5/2025 của Ban kinh tế - xã hội HĐND thành phố Lai Châu và ý kiến của Đại biểu HĐND thành phố Lai Châu tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phê chuẩn Quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; quyết toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2024 như sau:

*leahng*



**I. Tổng quyết toán thu ngân sách địa phương: 541.822.609.839 đồng**  
(không bao gồm số thu ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh hưởng, số thu chuyển giao ngân sách xã), trong đó:

|                                                           |                             |
|-----------------------------------------------------------|-----------------------------|
| <b>1. Thu NSNN trên địa bàn:</b>                          | <b>129.986.433.177 đồng</b> |
| - Thu ngân sách Trung ương hưởng:                         | 5.250.993.405 đồng          |
| - Thu ngân sách tỉnh hưởng:                               | 4.140.360.976 đồng          |
| - Thu ngân sách địa phương hưởng:                         | 120.595.078.796 đồng        |
| + Thu ngân sách thành phố hưởng:                          | 118.538.255.650 đồng        |
| + Thu ngân sách xã, phường hưởng:                         | 2.056.823.146 đồng          |
| <b>2. Các khoản huy động theo quy định của pháp luật:</b> | <b>1.500.000.000 đồng</b>   |
| <b>3. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên:</b>              | <b>350.727.341.985 đồng</b> |
| - Thu bổ sung cân đối ngân sách:                          | 241.732.341.765 đồng        |
| - Thu bổ sung có mục tiêu:                                | 108.995.000.220 đồng        |
| <b>4. Thu chuyển nguồn ngân sách:</b>                     | <b>68.472.651.326 đồng</b>  |
| - Thu chuyển nguồn ngân sách thành phố:                   | 64.831.902.537 đồng         |
| - Thu chuyển nguồn ngân sách xã, phường:                  | 3.640.748.789 đồng          |
| <b>5. Thu ngân sách cấp dưới nộp lên:</b>                 | <b>527.537.732 đồng</b>     |

**II. Quyết toán chi ngân sách địa phương: 541.822.609.839 đồng**

Bao gồm:

|                                                                        |                      |
|------------------------------------------------------------------------|----------------------|
| 1. Chi đầu tư phát triển:                                              | 35.567.531.799 đồng  |
| 2. Chi thường xuyên:                                                   | 394.564.032.988 đồng |
| 3. Chi chương trình bổ sung có mục tiêu:                               | 18.017.722.268 đồng  |
| 4. Chi hoàn trả ngân sách cấp trên nguồn<br>kinh phí hết nhiệm vụ chi: | 1.045.377.542 đồng   |
| 5. Chi chuyển nguồn ngân sách:                                         | 92.627.945.242 đồng  |
| - Ngân sách thành phố:                                                 | 88.645.548.642 đồng  |
| - Ngân sách xã, phường:                                                | 3.982.396.600 đồng   |

**III. Kết dư ngân sách địa phương năm 2024: 0 đồng**

(Có các biểu 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09 kèm theo)

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân thành phố giao:

Ủy ban nhân dân thành phố Lai Châu chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

*leang*



### Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Lai Châu khoá IV, kỳ họp thứ hai mươi sáu thông qua ngày 13 tháng 5 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận: *thực* *icaing*

- Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh ;
- Sở Tài chính;
- Thường trực Thành uỷ;
- TT. HĐND, UBND; UBMTTQVN thành phố;
- Các Đại biểu HĐND thành phố;
- Các cơ quan, đơn vị, đoàn thể thành phố;
- Thường trực HĐND-UBND các xã, phường;
- Trang thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT.



**CHỦ TỊCH**

**Giàng Thị Xoa**



**QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024**  
(Kèm theo Nghị quyết số: 139/NQ-HĐND ngày 13 tháng 5 năm 2025 của HĐND thành phố Lai Châu)

Đơn vị: đồng

| Stt | Nội dung                                                  | Dự toán         | Quyết toán      | So sánh         |               |
|-----|-----------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|-----------------|---------------|
|     |                                                           |                 |                 | Tuyệt đối       | Tương đối (%) |
| A   | B                                                         | I               | 2               | 3=2-I           | 4=2/I         |
| A   | <b>TỔNG NGUỒN THU NSDP</b>                                | 481.292.000.000 | 541.822.609.839 | 59.030.609.839  | 113           |
| I   | <b>Thu NSDP được hưởng theo phân cấp</b>                  | 162.150.000.000 | 120.595.078.796 | -41.554.921.204 | 74            |
|     | - Thu NSDP hưởng 100%                                     | 94.150.000.000  | 72.913.456.698  |                 |               |
|     | - Thu NSDP hưởng từ các khoản phân chia                   | 68.000.000.000  | 47.681.622.098  |                 |               |
| II  | <b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>                  | 319.142.000.000 | 350.727.341.985 | 31.585.341.985  | 110           |
| 1   | Thu bổ sung cân đối                                       | 245.037.000.000 | 241.732.341.765 |                 |               |
| 2   | Thu bổ sung có mục tiêu                                   | 74.105.000.000  | 108.995.000.220 |                 |               |
| III | <b>Thu từ quỹ dự trữ tài chính</b>                        |                 |                 |                 |               |
| IV  | <b>Thu kết dư</b>                                         |                 | -               | -               |               |
| V   | <b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>          |                 | 68.472.651.326  | 68.472.651.326  |               |
| VI  | <b>Thu ngân sách cấp dưới nộp lên</b>                     |                 | 527.537.732     | 527.537.732     |               |
| VII | <b>Các khoản huy động theo quy định của pháp luật</b>     |                 | 1.500.000.000   |                 |               |
| B   | <b>TỔNG CHI NSDP</b>                                      | 481.292.000.000 | 541.822.609.839 | 86.312.609.839  | 113           |
| I   | <b>Tổng chi cân đối ngân sách địa phương</b>              | 469.140.000.000 | 430.131.564.787 | -13.226.435.213 | 92            |
| 1   | Chi đầu tư phát triển                                     | 81.227.000.000  | 35.567.531.799  | -45.659.468.201 |               |
| 2   | Chi thường xuyên                                          | 362.131.000.000 | 394.564.032.988 | 32.433.032.988  |               |
| 3   | Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay    | -               |                 |                 |               |
| 4   | Nguồn tăng thu                                            | 3.500.000.000   |                 |                 |               |
| 5   | Dự phòng ngân sách                                        | 7.214.000.000   |                 |                 |               |
| 6   | Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương                      | -               |                 |                 |               |
| 7   | Nguồn thu sử dụng đất chưa phân bổ                        | 13.309.000.000  |                 |                 |               |
| 8   | Chi cân đối để thực hiện các nhiệm vụ phát sinh trong năm | 1.759.000.000   |                 |                 |               |
| II  | <b>Chi các chương trình mục tiêu</b>                      | 12.152.000.000  | 18.017.722.268  | 5.865.722.268   | 148           |
| 1   | Chi các chương trình mục tiêu quốc gia                    | 12.152.000.000  | 18.017.722.268  |                 |               |
| 2   | Chi chương trình mục tiêu, nhiệm vụ                       |                 |                 |                 |               |
| III | <b>Chi chuyển nguồn sang năm sau</b>                      |                 | 92.627.945.242  | 92.627.945.242  |               |
| IV  | <b>Chi nộp ngân sách cấp trên</b>                         |                 | 1.045.377.542   | 1.045.377.542   |               |
| V   | <b>Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới</b>                 |                 |                 |                 |               |
| C   | <b>BỘI CHI NSDP/ BỘI THU NSDP/KẾT DƯ NSDP</b>             |                 | -               | -               |               |
| D   | <b>CHI TRẢ NỢ GỐC NSDP</b>                                |                 |                 |                 |               |
| E   | <b>TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP</b>                              |                 |                 |                 |               |



QUYẾT TOÁN NGUỒN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN THEO LĨNH VỰC NĂM 2024  
(Kèm theo Nghị quyết số: 139/NQ-HĐND ngày 13 tháng 5 năm 2025 của HĐND thành phố Lai Châu)

ĐVT: đồng

| Stt | Nội dung                                             | Dự toán năm     |                 | Quyết toán năm  |                 | So sánh (%)   |          |
|-----|------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|---------------|----------|
|     |                                                      | Tổng thu NSNN   | Thu NSDP        | Tổng thu NSNN   | Thu NSDP        | Tổng thu NSNN | Thu NSDP |
| A   | B                                                    | 1               | 2               | 3               | 4               | 5=3/1         | 6=4/2    |
|     | TỔNG NGUỒN THU NSNN (A+B+C+D+E)                      | 182.600.000.000 | 162.150.000.000 | 199.959.084.503 | 190.567.730.122 | 110           | 118      |
| A   | TỔNG THU CÂN ĐỐI NSNN                                | 182.600.000.000 | 162.150.000.000 | 131.486.433.177 | 122.095.078.796 | 72            | 75       |
| I   | Thu nội địa                                          | 182.600.000.000 | 162.150.000.000 | 129.986.433.177 | 120.595.078.796 | 71            | 74       |
| 1   | Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý            |                 |                 |                 |                 |               |          |
| 2   | Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý            |                 |                 | 70.815.697      |                 |               |          |
|     | - Ngân sách tỉnh                                     |                 |                 | 70.815.697      |                 |               |          |
|     | - Ngân sách thành phố                                |                 |                 |                 |                 |               |          |
| 3   | Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài |                 |                 |                 |                 |               |          |
| 4   | Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh              | 42.000.000.000  | 42.000.000.000  | 56.792.959.741  | 56.792.959.741  | 135           | 135      |
|     | - Thuế GTGT                                          |                 |                 | 51.203.807.102  | 51.203.807.102  |               |          |
|     | - Thuế tiêu thụ đặc biệt                             |                 |                 | 285.933.909     | 285.933.909     |               |          |
|     | - Thuế thu nhập doanh nghiệp                         |                 |                 | 3.548.560.396   | 3.548.560.396   |               |          |
|     | - Thuế tài nguyên                                    |                 |                 | 1.754.658.334   | 1.754.658.334   |               |          |
| 5   | Thuế thu nhập cá nhân                                | 11.600.000.000  | 11.600.000.000  | 11.057.921.400  | 11.057.921.400  | 95            | 95       |
| 6   | Thuế bảo vệ môi trường                               |                 |                 |                 |                 |               |          |
| 7   | Lệ phí trước bạ                                      | 24.900.000.000  | 24.900.000.000  | 24.367.430.982  | 24.367.430.982  | 98            | 98       |
| 8   | Phí, lệ phí                                          | 4.000.000.000   | 3.200.000.000   | 3.960.060.898   | 2.990.585.070   | 99            | 93       |
|     | - Phí lệ phí Trung ương, tỉnh                        | 800.000.000     |                 | 969.475.828     |                 |               |          |
|     | - Phí và lệ phí thành phố                            | 2.645.000.000   | 2.645.000.000   | 2.433.175.570   | 2.433.175.570   |               |          |
|     | - Phí và lệ phí xã, phường                           | 555.000.000     | 555.000.000     | 557.409.500     | 557.409.500     |               |          |
| 9   | Thuế sử dụng đất nông nghiệp                         |                 |                 |                 |                 |               |          |
| 10  | Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp                     |                 |                 | 153.071.519     | 153.071.519     |               |          |
| 11  | Thu tiền thuê đất, thuê mặt nước                     | 10.650.000.000  | 10.650.000.000  | 6.329.814.853   | 6.329.814.853   | 59            | 59       |
| 12  | Tiền sử dụng đất                                     | 85.000.000.000  | 68.000.000.000  | 18.788.830.923  | 15.031.064.744  | 22            | 22       |
|     | - Ngân sách tỉnh                                     | 17.000.000.000  |                 | 3.757.766.179   |                 |               |          |
|     | - Ngân sách thành phố                                | 68.000.000.000  | 68.000.000.000  | 15.031.064.744  | 15.031.064.744  |               |          |
| 13  | Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước |                 |                 |                 |                 |               |          |
| 14  | Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết                    |                 |                 |                 |                 |               |          |
| 15  | Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản              |                 |                 |                 |                 |               |          |
| 16  | Thu khác ngân sách                                   | 4.350.000.000   | 1.700.000.000   | 8.465.527.164   | 3.872.230.487   | 195           | 228      |
|     | - Ngân sách Trung ương                               | 2.600.000.000   |                 | 4.289.287.577   |                 |               |          |
|     | - Ngân sách tỉnh                                     | 50.000.000      |                 | 304.009.100     |                 |               |          |
|     | - Ngân sách thành phố                                | 1.490.000.000   | 1.490.000.000   | 3.403.618.623   | 3.403.618.623   |               |          |
|     | - Ngân sách xã, phường                               | 210.000.000     | 210.000.000     | 468.611.864     | 468.611.864     |               |          |
| 17  | Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác | 100.000.000     | 100.000.000     |                 |                 |               |          |

leatng

| Stt | Nội dung                                                                                                           | Dự toán năm   |          | Quyết toán năm |                | So sánh (%)   |          |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|----------|----------------|----------------|---------------|----------|
|     |                                                                                                                    | Tổng thu NSNN | Thu NSDP | Tổng thu NSNN  | Thu NSDP       | Tổng thu NSNN | Thu NSDP |
| 18  | Thu hồi vốn, thu cổ tức                                                                                            |               |          |                |                |               |          |
| 19  | Lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước |               |          |                |                |               |          |
| 20  | Chênh lệch thu chi Ngân hàng Nhà nước                                                                              |               |          |                |                |               |          |
| II  | Thu từ dầu thô                                                                                                     |               |          |                |                |               |          |
| III | Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu                                                                                    |               |          |                |                |               |          |
| IV  | Thu viện trợ                                                                                                       |               |          |                |                |               |          |
| V   | Các khoản huy động theo quy định của pháp luật                                                                     |               |          | 1.500.000.000  | 1.500.000.000  |               |          |
| B   | THU TỪ QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH                                                                                        |               |          |                |                |               |          |
| C   | THU KẾT DƯ NGÂN SÁCH                                                                                               |               |          |                |                |               |          |
| D   | THU CHUYỂN NGUỒN                                                                                                   |               |          | 68.472.651.326 | 68.472.651.326 |               |          |

lealng

**QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO LĨNH VỰC NĂM 2024**  
(Kèm theo Nghị quyết số: 139/NQ-HĐND ngày 13 tháng 5 năm 2025 của HĐND thành phố Lai Châu)

Đơn vị: đồng

|             | Nội dung chi                                                                                                                                                                                         | Dự toán                | Quyết toán             | So sánh (%) |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|-------------|
| A           | B                                                                                                                                                                                                    | 1                      | 2                      | 3=2/1       |
|             | <b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>                                                                                                                                                                 | <b>481.292.000.000</b> | <b>541.822.609.839</b> | <b>113</b>  |
| <b>A</b>    | <b>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>                                                                                                                                                              | <b>469.140.000.000</b> | <b>430.131.564.787</b> | <b>92</b>   |
| <b>I</b>    | <b>Chi đầu tư phát triển</b>                                                                                                                                                                         | <b>81.227.000.000</b>  | <b>35.567.531.799</b>  | <b>44</b>   |
| <b>1</b>    | <b>Chi đầu tư phát triển</b>                                                                                                                                                                         | <b>81.227.000.000</b>  | <b>35.567.531.799</b>  | <b>44</b>   |
|             | Trong đó: - Chi theo lĩnh vực                                                                                                                                                                        | 81.227.000.000         | 35.567.531.799         |             |
|             | + Chi giáo dục và đào tạo và dạy nghề                                                                                                                                                                |                        | 8.853.822.772          |             |
|             | + Chi khoa học và công nghệ                                                                                                                                                                          |                        |                        |             |
|             | Trong đó: - Chi theo nguồn vốn                                                                                                                                                                       | 81.227.000.000         | 35.567.531.799         |             |
|             | + Nguồn thu sử dụng đất                                                                                                                                                                              | 51.500.000.000         | 9.406.924.906          |             |
|             | + Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết                                                                                                                                                           |                        |                        |             |
| <b>2</b>    | <b>Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật</b> |                        |                        |             |
| <b>3</b>    | <b>Chi đầu tư phát triển khác</b>                                                                                                                                                                    |                        |                        |             |
| <b>II</b>   | <b>Chi thường xuyên</b>                                                                                                                                                                              | <b>362.131.000.000</b> | <b>394.564.032.988</b> | <b>109</b>  |
|             | Trong đó:                                                                                                                                                                                            |                        |                        |             |
| <b>1</b>    | <b>Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề</b>                                                                                                                                                            | <b>191.881.000.000</b> | <b>215.034.894.202</b> | <b>112</b>  |
| <b>2</b>    | <b>Chi khoa học và công nghệ</b>                                                                                                                                                                     |                        |                        |             |
| <b>III</b>  | <b>Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay</b>                                                                                                                                        |                        |                        |             |
| <b>IV</b>   | <b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>                                                                                                                                                              |                        |                        |             |
| <b>V</b>    | <b>Dự phòng ngân sách</b>                                                                                                                                                                            | <b>7.214.000.000</b>   |                        |             |
| <b>VI</b>   | <b>Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương</b>                                                                                                                                                          |                        |                        |             |
| <b>VII</b>  | <b>Tăng thu ngân sách năm 2024</b>                                                                                                                                                                   | <b>3.500.000.000</b>   |                        |             |
| <b>VIII</b> | <b>Nguồn thu sử dụng đất năm 2024 chưa phân bổ</b>                                                                                                                                                   | <b>13.309.000.000</b>  |                        |             |
| <b>IX</b>   | <b>Cân đối thực hiện các nhiệm vụ khác phát sinh trong năm</b>                                                                                                                                       | <b>1.759.000.000</b>   |                        |             |
| <b>B</b>    | <b>CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ</b>                                                                                                                                                       | <b>12.152.000.000</b>  | <b>18.017.722.268</b>  |             |
| <b>1</b>    | <b>Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững</b>                                                                                                                                                         |                        | 125.998.266            |             |
| <b>2</b>    | <b>Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới</b>                                                                                                                                                      | 5.174.000.000          | 4.851.878.900          |             |
| <b>3</b>    | <b>Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</b>                                                                                                                  | 6.978.000.000          | 13.039.845.102         |             |
| <b>C</b>    | <b>CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU</b>                                                                                                                                                                 |                        | <b>92.627.945.242</b>  |             |
| <b>1</b>    | <b>Chi chuyển nguồn ngân sách thành phố</b>                                                                                                                                                          |                        | 88.645.548.642         |             |
| <b>2</b>    | <b>Chi chuyển nguồn ngân sách xã</b>                                                                                                                                                                 |                        | 3.982.396.600          |             |
| <b>D</b>    | <b>CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI</b>                                                                                                                                                            |                        |                        |             |
| <b>E</b>    | <b>CHI HOÀN TRẢ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN</b>                                                                                                                                                               |                        | <b>1.045.377.542</b>   |             |
| <b>1</b>    | <b>Ngân sách thành phố hoàn trả ngân sách tỉnh</b>                                                                                                                                                   |                        | 517.839.810            |             |
| <b>2</b>    | <b>Ngân sách cấp xã hoàn trả ngân sách thành phố</b>                                                                                                                                                 |                        | 527.537.732            |             |

leahng



**QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ THEO LĨNH VỰC NĂM 2024**  
(Kèm theo Nghị quyết số: 139/NQ-HĐND ngày 13 tháng 5 năm 2025 của HĐND thành phố Lai Châu)

Đơn vị: đồng

| Stt | Nội dung chi                                                                                                                                                                                  | Dự toán                       | Quyết toán                    | So sánh                      |                   |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|------------------------------|-------------------|
|     |                                                                                                                                                                                               |                               |                               | Tuyệt đối                    | Tương đối (%)     |
| A   | B                                                                                                                                                                                             | 1                             | 2                             | 3=2-1                        | 4=2/1             |
|     | <b><u>TỔNG CHI NSDP</u></b>                                                                                                                                                                   | <b><u>533.412.000.000</u></b> | <b><u>598.083.000.378</u></b> | <b><u>90.453.000.378</u></b> | <b><u>112</u></b> |
| A   | <b>CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI</b>                                                                                                                                                     | <b>52.120.000.000</b>         | <b>56.260.390.539</b>         | <b>4.140.390.539</b>         | <b>108</b>        |
| B   | <b>CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC</b>                                                                                                                                                  | <b>481.292.000.000</b>        | <b>448.149.287.055</b>        | <b>-7.360.712.945</b>        | <b>93</b>         |
| I   | <b>Chi đầu tư phát triển</b>                                                                                                                                                                  | <b>81.227.000.000</b>         | <b>35.567.531.799</b>         | <b>-45.659.468.201</b>       | <b>44</b>         |
| 1   | <b>Chi đầu tư cho các dự án</b>                                                                                                                                                               |                               | <b>35.567.531.799</b>         |                              |                   |
| -   | Chi quốc phòng                                                                                                                                                                                |                               |                               |                              |                   |
| -   | Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội                                                                                                                                                         |                               |                               |                              |                   |
| -   | Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề                                                                                                                                                            |                               | 8.853.822.772                 |                              |                   |
| -   | Chi khoa học và công nghệ                                                                                                                                                                     |                               |                               |                              |                   |
| -   | Chi y tế, dân số và gia đình                                                                                                                                                                  |                               | 2.057.171.000                 |                              |                   |
| -   | Chi văn hóa thông tin                                                                                                                                                                         |                               |                               |                              |                   |
| -   | Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn                                                                                                                                                        |                               |                               |                              |                   |
| -   | Chi thể dục thể thao                                                                                                                                                                          |                               |                               |                              |                   |
| -   | Chi bảo vệ môi trường                                                                                                                                                                         |                               |                               |                              |                   |
| -   | Chi các hoạt động kinh tế                                                                                                                                                                     |                               | 24.656.538.027                |                              |                   |
| -   | Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể                                                                                                                                                |                               |                               |                              |                   |
| -   | Chi bảo đảm xã hội                                                                                                                                                                            |                               |                               |                              |                   |
| -   | Chi đầu tư khác                                                                                                                                                                               |                               |                               |                              |                   |
| 2   | Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật |                               |                               |                              |                   |
| 3   | Chi đầu tư phát triển khác                                                                                                                                                                    |                               |                               |                              |                   |
| II  | <b>Chi thường xuyên</b>                                                                                                                                                                       | <b>362.131.000.000</b>        | <b>394.564.032.988</b>        | <b>32.433.032.988</b>        | <b>109</b>        |
| -   | Chi quốc phòng                                                                                                                                                                                | 4.402.000.000                 | 5.366.126.250                 |                              |                   |
| -   | Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội                                                                                                                                                         | 1.650.000.000                 | 2.930.345.960                 |                              |                   |
| -   | Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề                                                                                                                                                            | 191.881.000.000               | 215.034.894.202               |                              |                   |
| -   | Chi khoa học và công nghệ                                                                                                                                                                     |                               |                               |                              |                   |
| -   | Chi y tế, dân số và gia đình                                                                                                                                                                  |                               |                               |                              |                   |
| -   | Chi văn hóa thông tin                                                                                                                                                                         | 3.281.000.000                 | 3.226.894.467                 |                              |                   |
| -   | Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn                                                                                                                                                        | 2.286.000.000                 | 2.472.455.524                 |                              |                   |
| -   | Chi thể dục thể thao                                                                                                                                                                          | 628.000.000                   | 613.000.000                   |                              |                   |
| -   | Chi bảo vệ môi trường                                                                                                                                                                         | 21.000.000.000                | 18.249.313.200                |                              |                   |

*leahng*

| Stt         | Nội dung chi                                                                                                  | Dự toán               | Quyết toán            | So sánh               |               |
|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|---------------|
|             |                                                                                                               |                       |                       | Tuyệt đối             | Tương đối (%) |
| -           | Chi các hoạt động kinh tế                                                                                     | 52.491.000.000        | 52.332.398.392        |                       |               |
| -           | Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể                                                    | 76.738.000.000        | 86.344.873.102        |                       |               |
| -           | Chi bảo đảm xã hội                                                                                            | 7.084.000.000         | 7.308.721.406         |                       |               |
| -           | Chi thường xuyên khác                                                                                         | 690.000.000           | 685.010.485           |                       |               |
| <b>III</b>  | <b>Chi bổ sung có mục tiêu</b>                                                                                | <b>12.152.000.000</b> | <b>18.017.722.268</b> | <b>5.865.722.268</b>  | <b>148</b>    |
| <b>IV</b>   | <b>Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay</b>                                                 |                       |                       |                       |               |
| <b>V</b>    | <b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>                                                                       |                       |                       |                       |               |
| <b>VI</b>   | <b>Dự phòng ngân sách</b>                                                                                     | <b>7.214.000.000</b>  |                       |                       |               |
| <b>VII</b>  | <b>Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương</b>                                                                   |                       |                       |                       |               |
| <b>VIII</b> | <b>Tăng thu ngân sách năm 2024</b>                                                                            | <b>3.500.000.000</b>  |                       |                       |               |
| <b>IX</b>   | <b>Nguồn thu sử dụng đất năm 2024 chưa phân bổ</b>                                                            | <b>13.309.000.000</b> |                       |                       |               |
| <b>X</b>    | <b>Cân đối thực hiện các nhiệm vụ khác phát sinh trong năm (Đã quyết toán vào các lĩnh vực chi tương ứng)</b> | <b>1.759.000.000</b>  |                       |                       |               |
| <b>C</b>    | <b>CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU</b>                                                                          |                       | <b>92.627.945.242</b> | <b>92.627.945.242</b> |               |
| 1           | Chi chuyển nguồn ngân sách thành phố                                                                          |                       | 88.645.548.642        |                       |               |
| 2           | Chi chuyển nguồn ngân sách xã                                                                                 |                       | 3.982.396.600         |                       |               |
| <b>D</b>    | <b>CHI NỢP TRẢ NS CẤP TRÊN</b>                                                                                |                       | <b>1.045.377.542</b>  | <b>1.045.377.542</b>  |               |

Luân

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ VÀ CHI NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2024  
(Kèm theo Nghị quyết số: 139/NQ-HĐND ngày 13 tháng 5 năm 2025 của HĐND thành phố Lai Châu)

Đơn vị: đồng

| Stt  | Nội dung chi                                                                                                                                                                                  | Dự toán         | Bao gồm                 |                      | Quyết toán      | Bao gồm         |                |                      | So sánh (%) |               |  |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-------------------------|----------------------|-----------------|-----------------|----------------|----------------------|-------------|---------------|--|
|      |                                                                                                                                                                                               |                 | Ngân sách cấp thành phố | Ngân sách xã, phường |                 | Chi NS cấp TP   | Chi NS xã      | Ngân sách địa phương | NS cấp TP   | NS xã, phường |  |
| A    |                                                                                                                                                                                               | 1               | 2                       | 3                    | 4=5+6           | 5               | 6              | 7=4/1                | 8=5/2       | 9=6/3         |  |
|      | TỔNG CHI NSDP                                                                                                                                                                                 | 481.292.000.000 | 427.581.000.000         | 53.711.000.000       | 541.822.609.839 | 479.864.647.365 | 61.957.962.474 | 113                  | 112         | 115           |  |
| A    | CHI CÂN ĐỐI NSDP                                                                                                                                                                              | 469.140.000.000 | 422.365.000.000         | 46.775.000.000       | 430.131.564.787 | 379.866.258.142 | 50.265.306.645 | 92                   | 90          | 107           |  |
| I    | Chi đầu tư phát triển                                                                                                                                                                         | 81.227.000.000  | 81.227.000.000          |                      | 35.567.531.799  | 35.567.531.799  | -              | 44                   | 44          |               |  |
| 1    | Chi đầu tư cho các dự án                                                                                                                                                                      | 81.227.000.000  | 81.227.000.000          |                      | 35.567.531.799  | 35.567.531.799  | -              | 44                   | 44          |               |  |
|      | Trong đó: - Chi theo lĩnh vực                                                                                                                                                                 | 81.227.000.000  | 81.227.000.000          |                      | 35.567.531.799  | 35.567.531.799  |                | 44                   | 44          |               |  |
|      | + Chi giáo dục và đào tạo và dạy nghề                                                                                                                                                         | -               |                         |                      | 8.853.822.772   | 8.853.822.772   |                |                      |             |               |  |
|      | + Chi khoa học và công nghệ                                                                                                                                                                   | -               |                         |                      | -               | -               |                |                      |             |               |  |
|      | Trong đó: - Chi theo nguồn vốn                                                                                                                                                                | 81.227.000.000  | 81.227.000.000          |                      | 35.567.531.799  | 35.567.531.799  | -              | 44                   | 44          |               |  |
|      | + Nguồn thu sử dụng đất                                                                                                                                                                       | 51.500.000.000  | 51.500.000.000          |                      | 9.406.924.906   | 9.406.924.906   |                | 18                   | 18          |               |  |
|      | + Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết                                                                                                                                                    | -               |                         |                      | -               |                 |                |                      |             |               |  |
| 2    | Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật | -               |                         |                      | -               |                 |                |                      |             |               |  |
| 3    | Chi đầu tư phát triển khác                                                                                                                                                                    | -               |                         |                      | -               |                 |                |                      |             |               |  |
| II   | Chi thường xuyên                                                                                                                                                                              | 362.131.000.000 | 316.269.000.000         | 45.862.000.000       | 394.564.032.988 | 344.298.726.343 | 50.265.306.645 | 109                  | 109         | 110           |  |
|      | Trong đó:                                                                                                                                                                                     | -               |                         |                      | -               |                 |                |                      |             |               |  |
| 1    | Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề                                                                                                                                                            | 191.881.000.000 | 191.881.000.000         |                      | 215.034.894.202 | 215.034.894.202 |                | 112                  | 112         |               |  |
| 2    | Chi Khoa học và công nghệ                                                                                                                                                                     | -               |                         |                      | -               |                 |                |                      |             |               |  |
| III  | Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay                                                                                                                                        | -               |                         |                      | -               |                 |                |                      |             |               |  |
| IV   | Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính                                                                                                                                                              | -               |                         |                      | -               |                 |                |                      |             |               |  |
| V    | Dự phòng ngân sách                                                                                                                                                                            | 7.214.000.000   | 6.301.000.000           | 913.000.000          | -               |                 |                |                      |             |               |  |
| VII  | Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương                                                                                                                                                          | -               |                         |                      | -               |                 |                |                      |             |               |  |
| VIII | Tăng thu ngân sách năm 2024                                                                                                                                                                   | 3.500.000.000   | 3.500.000.000           |                      |                 |                 |                |                      |             |               |  |
| IX   | Nguồn thu sử dụng đất năm 2024 chưa phân bổ                                                                                                                                                   | 13.309.000.000  | 13.309.000.000          |                      |                 |                 |                |                      |             |               |  |
| X    | Cân đối thực hiện các nhiệm vụ khác phát sinh trong năm (Đã quyết toán vào các lĩnh vực chi tương ứng)                                                                                        | 1.759.000.000   | 1.759.000.000           |                      |                 |                 |                |                      |             |               |  |

leahng

| Stt      | Nội dung chi                                                                 | Dự toán               | Bao gồm                 |                      | Quyết toán            | Bao gồm               |                      | So sánh (%)          |           |               |
|----------|------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-------------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|----------------------|----------------------|-----------|---------------|
|          |                                                                              |                       | Ngân sách cấp thành phố | Ngân sách xã, phường |                       | Chi NS cấp TP         | Chi NS xã            | Ngân sách địa phương | NS cấp TP | NS xã, phường |
| <b>B</b> | <b>CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA</b>                                | <b>12.152.000.000</b> | <b>5.216.000.000</b>    | <b>6.936.000.000</b> | <b>18.017.722.268</b> | <b>10.835.000.771</b> | <b>7.182.721.497</b> |                      |           |               |
| 1        | Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững                                        |                       |                         |                      | 125.998.266           | 125.998.266           | -                    |                      |           |               |
| 2        | Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới                                     | 5.174.000.000         | 30.000.000              | 5.144.000.000        | 4.851.878.900         | 75.050.000            | 4.776.828.900        |                      |           |               |
| 3        | Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi | 6.978.000.000         | 5.186.000.000           | 1.792.000.000        | 13.039.845.102        | 10.633.952.505        | 2.405.892.597        |                      |           |               |
| <b>C</b> | <b>CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU</b>                                         | <b>-</b>              |                         |                      | <b>92.627.945.242</b> | <b>88.645.548.642</b> | <b>3.982.396.600</b> |                      |           |               |
| 1        | Chi chuyển nguồn ngân sách thành phố                                         | -                     |                         |                      | 88.645.548.642        | 88.645.548.642        |                      |                      |           |               |
| 2        | Chi chuyển nguồn ngân sách xã                                                | -                     |                         |                      | 3.982.396.600         |                       | 3.982.396.600        |                      |           |               |
| <b>D</b> | <b>CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI</b>                                    |                       |                         |                      |                       |                       |                      |                      |           |               |
| <b>E</b> | <b>CHI NỢP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN</b>                                            | <b>-</b>              |                         |                      | <b>1.045.377.542</b>  | <b>517.839.810</b>    | <b>527.537.732</b>   |                      |           |               |

1ca/hy

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2024  
(Kèm theo Nghị quyết số: 139/NQ-HĐND ngày 13 tháng 5 năm 2025 của HĐND thành phố Lai Châu)

Đơn vị: đồng

| STT | Tên đơn vị | Tổng số | Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG) | Dự toán                                       |                       |                            |         |                                               |                                          | Tổng số | Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG) | Quyết toán                 |                       |                       |                       |                       |                                             |                      |                       |                       |                  | So sánh quyết toán(dự toán(%))          |                            |                                   |                                                    |                                               |                   |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |
|-----|------------|---------|----------------------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------|----------------------------|---------|-----------------------------------------------|------------------------------------------|---------|----------------------------------------------------|----------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|---------------------------------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|------------------|-----------------------------------------|----------------------------|-----------------------------------|----------------------------------------------------|-----------------------------------------------|-------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
|     |            |         |                                                    | Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG) | Chi chương trình MTQG |                            | Tổng số | Chi đầu tư phát triển (Vốn chương trình MTQG) | Chi thường xuyên (Vốn chương trình MTQG) |         |                                                    | Chi chương trình MTQG      |                       |                       |                       |                       | Chi trả nợ tài trợ tài chính địa phương vay | Chi hỗ trợ tài chính | Chi đầu tư phát triển |                       | Chi thường xuyên | Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau | Chi chuyển trả NS cấp trên | Tổng (Không kể chương trình MTQG) | Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG) | Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG) | Chi CTMT quốc gia |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |                       |
|     |            |         |                                                    |                                               | Tổng số               | Chi đầu tư phát triển MTQG |         |                                               |                                          |         |                                                    | Chi đầu tư phát triển MTQG | Chi thường xuyên MTQG | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển |                                             |                      | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển |                  |                                         |                            |                                   |                                                    |                                               |                   | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển | Chi đầu tư phát triển |

leahy

| Stt  | Tên đơn vị                                          | Dự toán       |                                                    |                                               |                       | Quyết toán                                    |                                          |                                              |         |                       |                  |                                         | So sánh quyết toán/dự toán(%) |                            |
|------|-----------------------------------------------------|---------------|----------------------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------|-----------------------------------------------|------------------------------------------|----------------------------------------------|---------|-----------------------|------------------|-----------------------------------------|-------------------------------|----------------------------|
|      |                                                     | Tổng số       | Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG) | Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG) | Chi chương trình MTQG |                                               |                                          | Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay | Tổng số | Chi chương trình MTQG |                  | Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau |                               | Chi chuyển trả NS cấp trên |
|      |                                                     |               |                                                    |                                               | Tổng số               | Chi đầu tư phát triển (Vốn chương trình MTQG) | Chi thường xuyên (Vốn chương trình MTQG) |                                              |         | Chi đầu tư phát triển | Chi thường xuyên |                                         |                               |                            |
| 5    | CÁC ĐƠN VỊ HỒ TRỌNG                                 | 6.144.000.000 | -                                                  | 6.144.000.000                                 | -                     | -                                             | 7.838.701.130                            | -                                            | -       | -                     | -                | -                                       | 128                           |                            |
| 5.1  | Ban chỉ huy quân sự thành phố                       | 3.249.000.000 |                                                    | 3.249.000.000                                 |                       |                                               | 4.215.701.130                            |                                              |         |                       |                  |                                         | 130                           |                            |
| 5.2  | Công an thành phố                                   | 900.000.000   |                                                    | 900.000.000                                   |                       |                                               | 1.628.000.000                            |                                              |         |                       |                  |                                         | 181                           |                            |
| 5.3  | Liên đoàn lao động                                  | 140.000.000   |                                                    | 140.000.000                                   |                       |                                               | 140.000.000                              |                                              |         |                       |                  |                                         | 100                           |                            |
| 5.4  | Chi cục thuế khu vực thành phố Lai Châu - Tam Đường | 300.000.000   |                                                    | 300.000.000                                   |                       |                                               | 300.000.000                              |                                              |         |                       |                  |                                         | 100                           |                            |
| 5.5  | Viện kiểm sát nhân dân thành phố                    | 70.000.000    |                                                    | 70.000.000                                    |                       |                                               | 70.000.000                               |                                              |         |                       |                  |                                         | 100                           |                            |
| 5.6  | Chi cục thi hành án dân sự                          | 85.000.000    |                                                    | 85.000.000                                    |                       |                                               | 85.000.000                               |                                              |         |                       |                  |                                         | 100                           |                            |
| 5.7  | Tòa án nhân dân thành phố                           | 100.000.000   |                                                    | 100.000.000                                   |                       |                                               | 100.000.000                              |                                              |         |                       |                  |                                         | 100                           |                            |
| 5.8  | Ngân hàng chính sách xã hội                         | 1.300.000.000 |                                                    | 1.300.000.000                                 |                       |                                               | 1.300.000.000                            |                                              |         |                       |                  |                                         | 100                           |                            |
| II   | CHI TRẢ NỢ LÃI DO CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VAY (2)    |               |                                                    |                                               |                       |                                               |                                          |                                              |         |                       |                  |                                         |                               |                            |
| III  | CHI BỘ SƯNG QUỲ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH (2)                |               |                                                    |                                               |                       |                                               |                                          |                                              |         |                       |                  |                                         |                               |                            |
| IV   | DỰ PHÒNG NGĂN SÁCH                                  |               |                                                    |                                               |                       |                                               |                                          |                                              |         |                       |                  |                                         |                               |                            |
| V    | CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG                |               |                                                    |                                               |                       |                                               |                                          |                                              |         |                       |                  |                                         |                               |                            |
| VI   | CHI BỘ SƯNG CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI                  |               |                                                    |                                               |                       |                                               |                                          |                                              |         |                       |                  |                                         |                               |                            |
| VII  | CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU             |               |                                                    |                                               |                       |                                               |                                          |                                              |         |                       |                  | 30.458.305.753                          |                               |                            |
| VIII | CHI CHUYỂN TRẢ NS CẤP TRÊN                          |               |                                                    |                                               |                       |                                               |                                          |                                              |         |                       |                  |                                         | 517.839.810                   |                            |

## Leahy

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG TỪNG HUỖYÊN (XÃ) NĂM 2024  
(Kèm theo Nghị quyết số: 139/NQ-HĐND ngày 13 tháng 5 năm 2025 của HĐND thành phố Lai Châu)

Biên số 07  
(Biên mẫu số 58-Nghị định 31/2017/NĐ-CP)

Đơn vị: đồng

|     |                    | Dự toán         |                       |                  |                       | Quyết toán      |                       |                                   |                           |                  |                                   |                           |                |                       |                  |                                    |                            | So sánh (%)                   |                        |                        |         |         |
|-----|--------------------|-----------------|-----------------------|------------------|-----------------------|-----------------|-----------------------|-----------------------------------|---------------------------|------------------|-----------------------------------|---------------------------|----------------|-----------------------|------------------|------------------------------------|----------------------------|-------------------------------|------------------------|------------------------|---------|---------|
| STT | Tên đơn vị         | Tổng số         | Chi đầu tư phát triển | Chi thường xuyên | Chi chương trình MTQG | Tổng số         | Chi đầu tư phát triển |                                   |                           | Chi thường xuyên |                                   |                           | Chi CTMTQG     |                       |                  | Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới | Chi chuyển trả NS cấp trên | Chi chuyển nguồn sang năm sau | Tổng đầu tư phát triển | Chi thường có mục tiêu |         |         |
|     |                    |                 |                       |                  |                       |                 | Trong đó              |                                   |                           | Trong đó         |                                   |                           | Trong đó       |                       |                  |                                    |                            |                               |                        |                        |         |         |
|     |                    |                 |                       |                  |                       |                 | Tổng số               | Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề | Chi khoa học và công nghệ | Tổng số          | Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề | Chi khoa học và công nghệ | Tổng số        | Chi đầu tư phát triển | Chi thường xuyên |                                    |                            |                               |                        |                        |         |         |
| A   | B                  | 1               | 2                     | 3                | 4                     | 6               | 7                     | 8                                 | 9                         | 10               | 11                                | 12                        | 13             | 14                    | 15               | 16                                 | 18                         | 19                            | 20=6+1                 | 21=7+2                 | 22=10+3 | 23=16+4 |
|     | TỔNG SỐ            | 481.292.000.000 | 81.227.000.000        | 387.913.000.000  | 12.152.000.000        | 541.822.609.839 | 35.567.531.799        | 8.853.822.772                     |                           | 394.564.032.988  | 215.034.894.202                   |                           | 18.017.722.268 | 15.088.612.930        | 2.929.109.338    | 0                                  | 1.045.377.542              | 92.627.945.242                | 113                    | 44                     | 102     |         |
| 1   | Thành phố Lai Châu | 427.581.000.000 | 81.227.000.000        | 341.138.000.000  | 5.216.000.000         | 479.864.647.365 | 35.567.531.799        | 8.853.822.772                     |                           | 344.298.726.343  | 215.034.894.202                   |                           | 10.835.000.771 | 9.195.926.844         | 1.639.073.927    |                                    | 517.839.810                | 88.645.548.642                | 112                    | 44                     | 101     |         |
| 2   | Phường Đoàn Kết    | 6.808.000.000   |                       | 6.808.000.000    |                       | 7.506.171.470   |                       |                                   |                           | 7.294.811.681    |                                   |                           |                |                       |                  | 0                                  | 211.359.789                |                               | 110                    |                        | 107     |         |
| 3   | Phường Tân Phong   | 7.547.000.000   |                       | 7.547.000.000    |                       | 8.512.590.376   |                       |                                   |                           | 8.344.128.855    |                                   |                           |                |                       |                  | 0                                  | 168.461.521                |                               | 113                    |                        | 111     |         |
| 4   | Phường Quyết Thắng | 5.510.000.000   |                       | 5.510.000.000    |                       | 6.091.090.626   |                       |                                   |                           | 6.017.514.444    |                                   |                           |                |                       |                  |                                    | 3.432.178                  | 70.144.004                    | 111                    |                        | 109     |         |
| 5   | Phường Quyết Tiến  | 5.884.000.000   |                       | 5.884.000.000    |                       | 6.441.467.179   |                       |                                   |                           | 6.402.973.311    |                                   |                           |                |                       |                  |                                    |                            | 38.493.868                    |                        | 109                    |         | 109     |
| 6   | Phường Đặng Phong  | 6.142.000.000   |                       | 6.142.000.000    |                       | 6.599.154.756   |                       |                                   |                           | 6.504.111.280    |                                   |                           |                |                       |                  |                                    | 17.390.684                 | 77.652.792                    | 107                    |                        | 106     |         |
| 7   | Xã Sơn Thang       | 9.014.000.000   |                       | 6.752.000.000    | 2.262.000.000         | 9.838.700.580   |                       |                                   |                           | 6.787.209.246    |                                   |                           | 1.127.117.800  | 829.883.000           | 297.234.800      |                                    |                            | 1.924.375.534                 | 109                    |                        | 101     |         |
| 8   | Xã Sang Pải        | 12.806.000.000  |                       | 8.132.000.000    | 4.674.000.000         | 16.968.787.487  |                       |                                   |                           | 8.914.557.828    |                                   |                           | 6.055.603.697  | 5.062.803.086         | 992.800.611      |                                    | 506.714.870                | 1.491.911.092                 | 133                    |                        | 110     |         |

leahng



QUYẾT TOÁN CHI BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ CHO NGÂN SÁCH TỈNH XÃ, PHƯỜNG NĂM 2024  
(Kèm theo Nghị quyết số: 139/NQ-HĐND ngày 13 tháng 5 năm 2025 của HĐND thành phố Lai Châu)

Đơn vị: đồng

| Stt | Tên đơn vị (1)     | Dự toán        |                           |                     |                |                |                                                         |                                                |                                 |                |                           | Quyết toán          |                |                |                                                         |                                                |                                 |         |                           |                     |                | So sánh (%)    |                |                |    |    |    |    |    |    |    |        |    |
|-----|--------------------|----------------|---------------------------|---------------------|----------------|----------------|---------------------------------------------------------|------------------------------------------------|---------------------------------|----------------|---------------------------|---------------------|----------------|----------------|---------------------------------------------------------|------------------------------------------------|---------------------------------|---------|---------------------------|---------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----|----|----|----|----|----|----|--------|----|
|     |                    | Tổng số        | Bổ sung cân đối ngân sách | Bổ sung có mục tiêu |                |                |                                                         |                                                |                                 | Tổng số        | Bổ sung cân đối ngân sách | Bổ sung có mục tiêu |                |                |                                                         |                                                |                                 | Tổng số | Bổ sung cân đối ngân sách | Bổ sung có mục tiêu |                |                |                |                |    |    |    |    |    |    |    |        |    |
|     |                    |                |                           | Tổng số             | Gồm            |                | Vốn đầu tư để thực hiện các dự án, công trình, nhiệm vụ | Vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách | Vốn thực hiện các CTMT quốc gia |                |                           | Tổng số             | Gồm            |                | Vốn đầu tư để thực hiện các dự án, công trình, nhiệm vụ | Vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách | Vốn thực hiện các CTMT quốc gia |         |                           | Tổng số             | Gồm            |                |                |                |    |    |    |    |    |    |    |        |    |
|     |                    |                |                           |                     | Vốn ngoài nước | Vốn trong nước |                                                         |                                                |                                 |                |                           |                     | Vốn ngoài nước | Vốn trong nước |                                                         |                                                |                                 |         |                           |                     | Vốn ngoài nước | Vốn trong nước | Vốn ngoài nước | Vốn trong nước |    |    |    |    |    |    |    |        |    |
|     |                    |                |                           |                     |                |                |                                                         |                                                |                                 |                |                           |                     |                |                |                                                         |                                                |                                 |         |                           |                     |                |                |                |                |    |    |    |    |    |    |    |        |    |
| 1   | 2                  | 3              | 4                         | 5                   | 6              | 7              | 8                                                       | 9                                              | 10                              | 11             | 12                        | 13                  | 14             | 15             | 16                                                      | 17                                             | 18                              | 19      | 20                        | 21                  | 22             | 23             | 24             | 25             | 26 | 27 | 28 | 29 | 30 | 31 | 32 | 33     | 34 |
|     | TỔNG SỐ            | 52.120.000.000 | 42.184.000.000            | 9.936.000.000       |                |                | 6.936.000.000                                           | 56.260.390.539                                 | 39.784.195.284                  | 16.476.195.255 |                           | 16.476.195.255      |                | 9.293.473.758  | 7.182.721.497                                           |                                                |                                 | 94      |                           | 166                 |                |                |                |                |    |    |    |    |    |    |    | 124,84 |    |
| 1   | Phường Đoàn Kết    | 6.509.000.000  | 6.209.000.000             | 300.000.000         |                |                |                                                         | 6.955.530.532                                  | 5.743.953.532                   | 1.211.577.000  |                           | 1.211.577.000       |                | 1.211.577.000  |                                                         |                                                |                                 | 107%    |                           |                     |                |                |                |                |    |    |    |    |    |    |    |        |    |
| 2   | Phường Tân Phong   | 6.982.000.000  | 6.682.000.000             | 300.000.000         |                |                |                                                         | 7.643.892.472                                  | 6.474.302.970                   | 1.169.589.502  |                           | 1.169.589.502       |                | 1.169.589.502  |                                                         |                                                |                                 | 109%    |                           |                     |                |                |                |                |    |    |    |    |    |    |    |        |    |
| 3   | Phường Quyết Thắng | 5.422.000.000  | 5.122.000.000             | 300.000.000         |                |                |                                                         | 5.959.794.677                                  | 4.820.115.037                   | 1.139.679.640  |                           | 1.139.679.640       |                | 1.139.679.640  |                                                         |                                                |                                 | 109%    |                           |                     |                |                |                |                |    |    |    |    |    |    |    |        |    |
| 4   | Phường Quyết Tiến  | 5.761.000.000  | 5.461.000.000             | 300.000.000         |                |                |                                                         | 6.302.141.923                                  | 5.268.823.634                   | 1.033.318.289  |                           | 1.033.318.289       |                | 1.033.318.289  |                                                         |                                                |                                 | 109%    |                           |                     |                |                |                |                |    |    |    |    |    |    |    |        |    |
| 5   | Phường Đăng Phong  | 5.745.000.000  | 5.445.000.000             | 300.000.000         |                |                |                                                         | 6.085.873.821                                  | 5.024.016.621                   | 1.061.857.200  |                           | 1.061.857.200       |                | 1.061.857.200  |                                                         |                                                |                                 | 106%    |                           |                     |                |                |                |                |    |    |    |    |    |    |    |        |    |
| 6   | Xã Sơn Thàng       | 8.919.000.000  | 6.257.000.000             | 2.662.000.000       |                |                |                                                         | 8.786.622.513                                  | 5.797.541.513                   | 2.989.081.000  |                           | 2.989.081.000       |                | 1.861.965.200  | 1.127.117.800                                           |                                                |                                 | 99%     |                           |                     |                |                |                |                |    |    |    |    |    |    |    |        |    |
| 7   | Xã Sung Phai       | 12.782.000.000 | 7.008.000.000             | 5.774.000.000       |                |                |                                                         | 14.526.534.601                                 | 6.655.441.977                   | 7.871.092.624  |                           | 7.871.092.624       |                | 1.815.488.927  | 6.055.603.697                                           |                                                |                                 | 95%     |                           |                     |                |                |                |                |    |    |    |    |    |    |    |        |    |

leahq





QUYẾT TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số: 139/NQ-HĐND ngày 13 tháng 5 năm 2025 của HĐND thành phố Lai Châu)

Đơn vị: Đồng

| Stt | Nội dung             | Dự toán        |                   |                    |     |                |                |                   |                    |                |                                |     |                    | Quyết toán    |         |                |                |                |                |  |  |  |  | So sánh (%) |  |  |
|-----|----------------------|----------------|-------------------|--------------------|-----|----------------|----------------|-------------------|--------------------|----------------|--------------------------------|-----|--------------------|---------------|---------|----------------|----------------|----------------|----------------|--|--|--|--|-------------|--|--|
|     |                      | Tổng số        | Trong đó          |                    |     | ...            | Tổng số        | Trong đó          |                    |                | Chương trình mục tiêu quốc gia |     |                    |               | Tổng số | Trong đó       |                |                |                |  |  |  |  |             |  |  |
|     |                      |                | Đầu tư phát triển | Kinh phí sự nghiệp | ... |                |                | Đầu tư phát triển | Kinh phí sự nghiệp | Tổng số        | Chi đầu tư phát triển          |     | Kinh phí sự nghiệp |               |         |                |                |                |                |  |  |  |  |             |  |  |
|     |                      |                |                   |                    |     |                |                |                   |                    |                | Chi ra                         | ... | Chi ra             | ...           |         |                |                |                |                |  |  |  |  |             |  |  |
|     |                      |                |                   |                    |     |                |                |                   |                    |                |                                |     |                    |               |         | Vốn trong nước | Vốn ngoài nước | Vốn trong nước | Vốn ngoài nước |  |  |  |  |             |  |  |
| A   | B                    | 1              | 2                 | 3                  | 4   | 5              | 6              | 7                 | 8                  | 9              | 10                             | 11  | 12                 | 13            | 14      | 15             | 16=5/1         | 17=6/2         | 18=7/3         |  |  |  |  |             |  |  |
|     | TỔNG SỐ              | 12.152.000.000 | 10.294.000.000    | 1.858.000.000      |     | 18.017.722.268 | 15.088.612.930 | 2.929.109.338     | 18.017.722.268     | 15.088.612.930 | 15.088.612.930                 |     | 2.929.109.338      | 2.929.109.338 |         |                | 148            | 147            | 158            |  |  |  |  |             |  |  |
| I   | Ngân sách thành phố  | 5.216.000.000  | 5.186.000.000     | 30.000.000         |     | 10.835.000.771 | 9.195.926.844  | 1.639.073.927     | 10.835.000.771     | 9.195.926.844  | 9.195.926.844                  |     | 1.639.073.927      | 1.639.073.927 |         |                | 208            | 177            | 5.464          |  |  |  |  |             |  |  |
| II  | Ngân sách xã, phường | 6.936.000.000  | 5.108.000.000     | 1.828.000.000      |     | 7.182.721.497  | 5.892.686.086  | 1.290.035.411     | 7.182.721.497      | 5.892.686.086  | 5.892.686.086                  |     | 1.290.035.411      | 1.290.035.411 | -       |                | 104            | 115            | 71             |  |  |  |  |             |  |  |
| I   | Xã Sơn Thàng         | 2.262.000.000  | 1.012.000.000     | 1.250.000.000      |     | 1.127.117.800  | 829.883.000    | 297.234.800       | 1.127.117.800      | 829.883.000    | 829.883.000                    |     | 297.234.800        | 297.234.800   |         |                |                |                |                |  |  |  |  |             |  |  |
| 2   | Xã Sùng Phái         | 4.674.000.000  | 4.096.000.000     | 578.000.000        |     | 6.055.603.697  | 5.062.803.086  | 992.800.611       | 6.055.603.697      | 5.062.803.086  | 5.062.803.086                  |     | 992.800.611        | 992.800.611   |         |                |                |                |                |  |  |  |  |             |  |  |

leahvy

